CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI
DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HÀ NỘI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0101337659, E=INFO@HANOIPHARMA.COM.VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.03.27 16:22:12+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Diệu Trinh	Chủ tịch
Bà Đỗ Thị Nga	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thơm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2025)
Ông Đào Đình Tâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Tuân	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hữu Việt	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Phạm Thị Tuân - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0101337659 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Phạm Thị Tuân
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Số: 130 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Nguyễn Phương Lan	**Nguyễn Thị Huyền**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2023-156-1	Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3652-2026-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

VACO Hà Nội
Tầng 12A, tòa nhà TCT 319, số 63 Lê Văn Lương
Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội
Tel: (84-24) 3577 0781 - Fax: (84-24) 3577 0787

VACO Hồ Chí Minh
Lầu 10, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
Phường Gia Định, thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618 - Fax: (84-28) 3840 6616

VACO Đồng Nai
Số 79 Hà Huy Giáp
Phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560 - Fax: (84-251) 382 8560

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**90.370.958.671**	**85.500.329.868**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**8.137.497.531**	**6.724.048.942**
1. Tiền	111	4	8.137.497.531	6.724.048.942
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**62.915.822.971**	**52.554.695.847**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	62.915.822.971	52.554.695.847
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**6.533.526.651**	**5.297.862.130**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.412.887.068	3.208.833.969
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.767.590.880	111.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.353.048.703	1.977.528.161
IV. Hàng tồn kho	**140**		**12.777.273.268**	**20.910.046.449**
1. Hàng tồn kho	141	9	12.777.273.268	20.910.046.449
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**6.838.250**	**13.676.500**
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	6.838.250	13.676.500
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**16.839.354.629**	**19.162.484.560**
I. Tài sản cố định	**220**		**16.694.910.185**	**19.162.484.560**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	13.948.549.251	16.320.742.934
- Nguyên giá	*222*		*62.555.153.980*	*62.881.967.980*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(48.606.604.729)*	*(46.561.225.046)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.746.360.934	2.841.741.626
- Nguyên giá	*228*		*4.609.713.164*	*4.609.713.164*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(1.863.352.230)*	*(1.767.971.538)*
II. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**144.444.444**	**-**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		144.444.444	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**107.210.313.300**	**104.662.814.428**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**12.977.768.961**	**12.833.847.101**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**12.977.768.961**	**12.833.847.101**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	444.862.688	1.809.011.026
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	427.555.027	525.354.635
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	1.096.387.214	1.260.663.928
4. Phải trả người lao động	314		4.731.585.066	3.558.774.246
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		72.371.236	234.865.926
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	201.276.829	220.913.663
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	4.333.750.000	3.800.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.669.980.901	1.424.263.677
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**94.232.544.339**	**91.828.967.327**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**17**	**94.232.544.339**	**91.828.967.327**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		62.909.000.000	62.909.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*62.909.000.000*	*62.909.000.000*
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.586.780.000	2.586.780.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.214.000.000	2.414.000.000
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.700.000.000	3.700.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế	421		21.822.764.339	20.219.187.327
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*5.662.387.327*	*4.137.304.509*
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	*421b*		*16.160.377.012*	*16.081.882.818*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**107.210.313.300**	**104.662.814.428**

Phạm Thị Tuân	**Ngô Hồng Minh**	**Ngô Hồng Minh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**18**	**73.260.243.649**	**85.648.992.541**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		135.850.680	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**73.124.392.969**	**85.648.992.541**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	36.206.619.746	49.267.049.437
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**36.917.773.223**	**36.381.943.104**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	3.526.753.491	2.591.683.375
7. Chi phí tài chính	22		2.728.500	-
8. Chi phí bán hàng	25	22	4.033.188.075	3.782.689.470
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	15.913.886.085	15.190.937.010
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**20.494.724.054**	**19.999.999.999**
11. Thu nhập khác	31		35.751.891	284.455.811
12. Chi phí khác	32		121.103.744	1.830
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(85.351.853)**	**284.453.981**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**20.409.372.201**	**20.284.453.980**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	4.248.995.189	4.202.571.162
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	**60**		**16.160.377.012**	**16.081.882.818**
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	2.569	2.370

M.S.D.N: 0101337659 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Phạm Thị Tuân	**Ngô Hồng Minh**	**Ngô Hồng Minh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	75.899.659.282	84.607.140.171
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(27.292.875.366)	(37.727.366.730)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(16.354.234.539)	(19.633.203.231)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(4.176.572.764)	(4.121.014.925)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	513.808.352	251.652.749
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.263.744.970)	(3.609.555.846)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***21.326.039.995***	***19.767.652.188***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(144.444.444)	(2.970.713.558)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	20.000.000	284.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(92.734.371.247)	(76.700.229.908)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	82.373.244.123	37.381.982.442
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.150.925.062	1.077.104.803
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(7.334.646.506)***	***(40.927.401.676)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.577.944.900)	(12.587.570.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(12.577.944.900)***	***(12.587.570.300)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**1.413.448.589**	**(33.747.319.788)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**6.724.048.942**	**40.471.368.730**
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	**70**	**8.137.497.531**	**6.724.048.942**

M.S.D.N: 0101337659 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI - Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Phạm Thị Tuân	**Ngô Hồng Minh**	**Ngô Hồng Minh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") thành lập theo Quyết định số 8103/QĐ-UB ngày 27 tháng 11 năm 2002 của Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp Dược phẩm Hà Nội thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101337659 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2002 và được sửa đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 7 năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay thuộc Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 62.909.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 67 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 71 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thuốc chữa bệnh, phòng bệnh phục vụ sức khỏe cho người;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Xuất khẩu dược liệu, tinh dầu, dược phẩm, nông lâm sản;
- Nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu, bao bì, thuốc thành phẩm, thuốc thực phẩm, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế;
- Cho thuê văn phòng làm việc và kho chứa hàng hóa, nguyên liệu, bao bì, thành phẩm dược phẩm, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế;
- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- May trang phục;
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Sản xuất kinh doanh dược phẩm chức năng;
- Kinh doanh bất động sản.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu, chi tiết: Sản xuất thuốc chữa bệnh, phòng bệnh, phục vụ sức khỏe cho người.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 có thể so sánh được với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hướng dẫn kế toán mới đã ban hành nhưng chưa áp dụng

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, các loại tài sản và nợ phải trả được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ lập báo cáo. Tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;

b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;

c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	01 - 26
Máy móc, thiết bị	01 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	10 - 20

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê đất.

Tài sản cố định vô hình khác là phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi bù lỗ năm trước được phân phối cho các cổ đông, bù đắp các khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế, sau đó trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	**Mối quan hệ**
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	Cổ đông lớn (Ảnh hưởng đáng kể)
Công ty TNHH Kinh doanh Dược Thiên Thành	Tổ chức có liên quan của Bà Đỗ Thị Nga - Thành viên Hội đồng Quản trị
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	53.881.948	51.304.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.083.615.583	6.672.744.942
Cộng	**8.137.497.531**	**6.724.048.942**

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (i)	62.915.822.971	52.554.695.847
Cộng	**62.915.822.971**	**52.554.695.847**

Ghi chú:

(i) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại có kỳ hạn, lãi suất theo quy định của Ngân hàng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Dược và Vật tư Y tế Trung Tâm	2.289.099.319	3.208.833.969
Các đối tượng khác	123.787.749	-
Cộng	**2.412.887.068**	**3.208.833.969**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Xây lắp và Vật liệu Xây dựng số 3	1.302.870.880	-
Công ty Cổ phần TOPTANK Việt Nam	414.720.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Giải pháp Môi trường Xanh	-	80.000.000
Các đối tượng khác	50.000.000	31.500.000
Cộng	**1.767.590.880**	**111.500.000**

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tạm ứng	28.773.255	29.081.142
Lãi tiền gửi kỳ hạn dự thu	2.324.275.448	1.948.447.019
Cộng	**2.353.048.703**	**1.977.528.161**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.701.069.205	-	14.690.268.701	-
Công cụ, dụng cụ	28.838.588	-	32.731.496	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	966.241.176	-
Thành phẩm	7.047.365.475	-	5.220.805.076	-
Cộng	**12.777.273.268**	**-**	**20.910.046.449**	**-**

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Các khoản thuế, phí khác	13.676.500	33.076.203	39.914.453	6.838.250
Cộng	**13.676.500**	**33.076.203**	**39.914.453**	**6.838.250**
b) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	245.542.718	2.082.042.774	2.147.262.597	180.322.895
Thuế thu nhập doanh nghiệp	699.189.607	4.291.643.732	4.176.572.764	814.260.575
Thuế thu nhập cá nhân	315.931.603	1.702.689.336	1.916.817.195	101.803.744
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	816.220.888	816.220.888	-
Cộng	**1.260.663.928**	**8.892.596.730**	**9.056.873.444**	**1.096.387.214**

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	**22.289.175.270**	**32.720.306.089**	**3.855.332.957**	**252.093.856**	**3.765.059.808**	**62.881.967.980**
- Thanh lý, nhượng bán	-	(280.250.000)	-	(46.564.000)	-	(326.814.000)
Số dư cuối năm	**22.289.175.270**	**32.440.056.089**	**3.855.332.957**	**205.529.856**	**3.765.059.808**	**62.555.153.980**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	**11.558.636.559**	**28.743.525.206**	**2.287.926.223**	**225.626.327**	**3.745.510.731**	**46.561.225.046**
- Khấu hao trong năm	896.938.584	1.232.606.195	230.857.272	8.067.996	3.723.636	2.372.193.683
- Thanh lý, nhượng bán	-	(280.250.000)	-	(46.564.000)	-	(326.814.000)
Số dư cuối năm	**12.455.575.143**	**29.695.881.401**	**2.518.783.495**	**187.130.323**	**3.749.234.367**	**48.606.604.729**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	**10.730.538.711**	**3.976.780.883**	**1.567.406.734**	**26.467.529**	**19.549.077**	**16.320.742.934**
Tại ngày cuối năm	**9.833.600.127**	**2.744.174.688**	**1.336.549.462**	**18.399.533**	**15.825.441**	**13.948.549.251**

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng đang sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 31.809.495.438 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 30.621.809.438 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	**4.578.273.164**	**31.440.000**	**4.609.713.164**
Số dư cuối năm	**4.578.273.164**	**31.440.000**	**4.609.713.164**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	**1.736.531.538**	**31.440.000**	**1.767.971.538**
- Khấu hao trong năm	95.380.692	-	95.380.692
Số dư cuối năm	**1.831.912.230**	**31.440.000**	**1.863.352.230**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	**2.841.741.626**	-	**2.841.741.626**
Tại ngày cuối năm	**2.746.360.934**	-	**2.746.360.934**

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 31.440.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 31.440.000 VND).

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Kỹ thuật & Xây dựng Lâm Nguyễn	254.605.680	254.605.680	-	-
Công ty Cổ phần Dược và Trang thiết bị Y tế Phúc Thịnh	35.066.493	35.066.493	836.830.575	836.830.575
Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	-	-	254.883.507	254.883.507
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì và Thương mại Đức Thành	84.576.960	84.576.960	240.820.279	240.820.279
Các đối tượng khác	70.613.555	70.613.555	476.476.665	476.476.665
Cộng	**444.862.688**	**444.862.688**	**1.809.011.026**	**1.809.011.026**

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Bên liên quan	**8.203.697**	**14.930.736**
Công ty TNHH Kinh doanh Dược Thiên Thành	8.203.697	14.930.736
a) Các khách hàng khác	**419.351.330**	**510.423.899**
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tín Phong	-	365.423.899
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Minh Quân	201.352.142	90.000.000
Công ty Cổ phần Dược và TTBYT Phúc Thịnh	217.997.682	-
Các đối tượng khác	1.506	55.000.000
Cộng	**427.555.027**	**525.354.635**

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả khác là bên liên quan	**-**	**63.331.200**
Công ty TNHH Kinh doanh Dược Thiên Thành	-	63.331.200
b) Phải trả khác	**201.276.829**	**157.582.463**
Cổ tức phải trả	38.516.375	34.661.275
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	160.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả khác	2.760.454	72.921.188
Cộng	**201.276.829**	**220.913.663**

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Qũy dự phòng tiền lương (i)	1.500.000.000	1.800.000.000
Dự phòng sửa chữa tài sản (ii)	2.833.750.000	2.000.000.000
Cộng	**4.333.750.000**	**3.800.000.000**

Ghi chú:

(i) Khoản dự phòng tiền lương phải trả thực hiện theo Biên bản họp Hội đồng xét thưởng số 01/BBH-DHN ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc ghi nhận quỹ dự phòng tiền lương năm 2025. Theo đó, Công ty thực hiện trích lập bổ sung quỹ dự phòng tiền lương tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 số tiền là 1.500.000.000 VND cho mục đích: Đảm bảo việc trả lương, thưởng, phúc lợi không bị gián đoạn.

(ii) Đây là khoản dự phòng về chi phí sửa chữa, thay thế phục vụ công tác thẩm định WHO - GMP nhà máy tại địa chỉ Lô số 15-1, Khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội giai đoạn 2023 - 2026 theo kế hoạch kinh doanh năm 2025.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**62.909.000.000**	**2.586.780.000**	**1.644.000.000**	**3.700.000.000**	**11.871.204.509**	**82.710.984.509**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	16.081.882.818	16.081.882.818
Trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(213.000.000)	(213.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	770.000.000	-	(770.000.000)	-
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023	-	-	-	-	(460.000.000)	(460.000.000)
Chia cổ tức đợt 2 năm 2023 (i)	-	-	-	-	(6.290.900.000)	(6.290.900.000)
Số dư đầu năm nay	**62.909.000.000**	**2.586.780.000**	**2.414.000.000**	**3.700.000.000**	**20.219.187.327**	**91.828.967.327**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	16.160.377.012	16.160.377.012
Trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	-	(375.000.000)	(375.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	800.000.000	-	(800.000.000)	-
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 (i)	-	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Chia cổ tức năm 2024 (i)	-	-	-	-	(12.581.800.000)	(12.581.800.000)
Số dư cuối năm nay	**62.909.000.000**	**2.586.780.000**	**3.214.000.000**	**3.700.000.000**	**21.822.764.339**	**94.232.544.339**

Ghi chú:

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 28 tháng 5 năm 2025, cụ thể như sau:

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 800.000.000 VND;
- Trích quỹ đầu tư phát triển 800.000.000 VND; và
- Chia cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 20%. Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ:

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 7 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 62.909.100.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	25.163.600.000	40,00%	25.163.600.000	40,00%
Bà Đỗ Thị Nga	12.467.430.000	19,82%	12.456.430.000	19,80%
Bà Nguyễn Diệu Trinh	9.788.240.000	15,56%	9.788.240.000	15,56%
Ông Nguyễn Đức Thắng	6.062.220.000	9,64%	6.062.220.000	9,64%
Các cổ đông khác	9.427.510.000	14,99%	9.438.510.000	15,00%
Cộng	**62.909.000.000**	**100,00%**	**62.909.000.000**	**100,00%**

Tình hình phát hành cổ phiếu:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.290.900	6.290.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.290.900	6.290.900
+ Cổ phiếu phổ thông	*6.290.900*	*6.290.900*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.290.900	6.290.900
+ Cổ phiếu phổ thông	*6.290.900*	*6.290.900*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm	70.825.430.698	83.478.050.551
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.434.812.951	2.170.941.990
Cộng	**73.260.243.649**	**85.648.992.541**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**135.850.680**	-
Hàng bán bị trả lại	135.850.680	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**73.124.392.969**	**85.648.992.541**
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan	**1.732.976.074**	**1.734.237.160**
Công ty TNHH Kinh doanh Dược Thiên Thành	1.732.976.074	1.734.237.160

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	35.391.672.678	48.622.549.906
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	814.947.068	644.499.531
Cộng	**36.206.619.746**	**49.267.049.437**

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.084.317.470	36.278.892.384
Chi phí nhân công	17.657.308.437	20.305.361.557
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.467.574.375	2.982.938.308
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.446.743.135	4.037.013.528
Chi phí khác bằng tiền	2.358.459.081	2.244.678.922
Chi phí dự phòng	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	**57.014.402.498**	**66.848.884.699**

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.526.753.491	2.591.683.375
Cộng	**3.526.753.491**	**2.591.683.375**

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	2.854.878.668	2.979.538.115
Chi phí khấu hao TSCĐ	250.642.115	254.725.440
Chi phí bằng tiền khác	927.667.292	548.425.915
Cộng	**4.033.188.075**	**3.782.689.470**
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	10.021.488.114	8.157.334.004
Chi phí đồ dùng văn phòng	311.521.664	881.215.441
Chi phí khấu hao TSCĐ	824.427.788	933.406.061
Thuế, phí, lệ phí	202.410.971	529.940.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.325.656.730	2.522.728.497
Chi phí bằng tiền khác	1.228.380.818	1.166.312.582
Chi phí dự phòng sửa chữa tài sản	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	**15.913.886.085**	**15.190.937.010**

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	**20.409.372.201**	**20.284.453.980**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	835.603.744	728.401.830
- Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	*835.603.744*	*728.401.830*
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**21.244.975.945**	**21.012.855.810**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**4.248.995.189**	**4.202.571.162**

Ngoài các khoản chi phí không được trừ trên, Công ty tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể với cơ sở tính thuế. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**16.160.377.012**	**16.081.882.818**
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Trích quỹ phúc lợi, khen thưởng (i)	-	*(800.000.000)*
- Trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	*(375.000.000)*
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**16.160.377.012**	**14.906.882.818**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.290.900	6.290.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.569**	**2.370**

Ghi chú:

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 28 tháng 5 năm 2025, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2024 cho Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 800.000.000 VND và trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát do hoàn thành vượt kế hoạch năm 2024 là 375.000.000 VND. Theo đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước đã được trình bày lại do lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông bị thay đổi (lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trên báo cáo tài chính năm trước là 2.556 VND/cổ phiếu) .

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2025 chưa tính đến ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát do Công ty chưa xác định được chính xác giá trị được phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2025. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, quỹ phúc lợi, khen thưởng được phân phối từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 được tạm tính với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế và trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát với tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch năm 2025. Tuy nhiên, giá trị chính xác được phân phối từ lợi nhuận sau thuế 2025 sẽ được phê duyệt tại Đại hội cổ đông năm 2026.

25. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

(i) Nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp giai đoạn 2009 - 2018

Theo Giấy chứng nhận đầu tư Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP - WHO số 19221000011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Vĩnh Phúc (sau này là Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 17 tháng 7 năm 2007 quy định về ưu đãi đầu tư mà Dự án đầu tư được hưởng, theo đó: Giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2018, Công ty đã tính và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hàng năm theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư. Tuy nhiên, trong năm 2020, khi kiểm tra quyết toán cho kỳ tính thuế năm 2019, Cục thuế thành phố Hà Nội (nay là thuế Thành phố Hà Nội) đã xác định Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội không đủ điều kiện hưởng ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp. Thuế thành phố Hà Nội đã ra quyết định truy thu số ưu đãi thuế không được hưởng của năm 2019, Công ty đã thực hiện nộp bổ sung theo quyết định của cơ quan thuế. Kể từ kỳ tính thuế năm 2019, Công ty thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường.

Đối với phần ưu đãi thuế được hưởng (giai đoạn từ năm 2009 đến hết năm 2018): Đến thời điểm hiện tại, Thuế thành phố Hà Nội và các cơ quan liên quan chưa có bất kỳ văn bản hướng dẫn, kết luận về việc áp dụng ưu đãi thuế của dự án theo Giấy chứng nhận đầu tư số 19221000011 đã cấp ngày 17 tháng 7 năm 2007. Công ty sẽ thực hiện nghĩa vụ bổ sung (nếu có) sau khi nhận được quyết định cuối cùng của cơ quan chức năng về nội dung này.

(ii) Chi phí hoàn nguyên đối với đất thuê tại Khu công nghiệp Quang Minh

Công ty có ký hợp đồng thuê đất trả tiền một lần tại Khu công nghiệp Quang Minh, Công ty đã xây dựng cơ sở hạ tầng trên đất thuê này để thực hiện Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP - WHO số 19221000011. Trong hợp đồng thuê đất không quy định rõ về nghĩa vụ hoàn nguyên khu đất thuê, do đó với hợp đồng thuê đất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty có thể có nghĩa vụ trong tương lai khi hết hạn thuê đất liên quan đến tháo dỡ, di dời các tài sản trên đất và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu và nghĩa vụ này chỉ có thể được xác định rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, như thỏa thuận với bên cho thuê đất, cơ quan có chức năng ban hành các quy định pháp luật nói rõ về nghĩa vụ của bên thuê khi hợp đồng không nói rõ nghĩa vụ hoàn nguyên của bên đi thuê. Do đó, Công ty chưa ghi nhận chi phí hoàn nguyên nào vào Báo cáo tài chính năm 2025.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	8.137.497.531	6.724.048.942
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	94.232.544.339	91.828.967.327
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	**Số đầu năm**
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.137.497.531	6.724.048.942
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.737.162.516	5.157.280.988
Các khoản đầu tư tài chính	62.915.822.971	52.554.695.847
Cộng	**75.790.483.018**	**64.436.025.777**
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	646.139.517	2.029.924.689
Chi phí phải trả	72.371.236	234.865.926
Cộng	**718.510.753**	**2.264.790.615**

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.137.497.531	-	8.137.497.531
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.737.162.516	-	4.737.162.516
Các khoản đầu tư tài chính	62.915.822.971	-	62.915.822.971
Cộng	**75.790.483.018**	**-**	**75.790.483.018**
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	646.139.517	-	646.139.517
Chi phí phải trả	72.371.236	-	72.371.236
Cộng	**718.510.753**	**-**	**718.510.753**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**75.071.972.265**	**-**	**75.071.972.265**

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.724.048.942	-	6.724.048.942
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.157.280.988	-	5.157.280.988
Các khoản đầu tư tài chính	52.554.695.847	-	52.554.695.847
Cộng	**64.436.025.777**	**-**	**64.436.025.777**
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.029.924.689	-	2.029.924.689
Chi phí phải trả	234.865.926	-	234.865.926
Cộng	**2.264.790.615**	**-**	**2.264.790.615**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**62.171.235.162**	**-**	**62.171.235.162**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài số dư và giao dịch với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh số 14, 15, và 18; Công ty còn có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà		
Cổ tức đã trả trong năm	5.032.720.000	5.032.720.000
Công ty TNHH Kinh doanh Dược Thiên Thành		
Nhận nguyên vật liệu gia công	903.919.600	979.248.950
Xuất trả hàng hóa gia công	1.732.976.074	1.734.237.160

Thu nhập từ lương, thưởng và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
a) Hội đồng Quản trị		**646.352.044**	**605.535.136**
Trong đó:			
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị *(tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2024)*	144.000.000	11.513.514
Bà Bùi Thị Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị *(miễn nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2024)*	23.841.964	147.837.838
Bà Đỗ Thị Nga	Thành viên	119.873.569	111.545.946
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Thành viên *(bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2025)*	58.800.000	-
Ông Đào Đình Tâm	Thành viên *(bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2024 và miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2025)*	43.400.000	-
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên *(miễn nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2024)*	16.689.373	111.545.946
Và các thành viên khác (*)		239.747.138	223.091.892

27. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập từ lương và thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát (Tiếp theo):

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
b) Ban kiểm soát		**214.447.956**	**217.162.905**
Trong đó:			
Bà Nguyễn Lan Hương	Thành viên *(miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2025)*	18.000.000	65.871.014
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên *(bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2025)*	25.200.000	-
Và các thành viên khác (*)		171.247.956	151.291.891

Ghi chú:

(*) Trong đó, thù lao năm 2025 của các thành viên khác thuộc Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được thanh toán trực tiếp cho Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà là 345.600.000 VND (năm 2024: 345.600.000 VND). Số tiền thù lao này được Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà thực hiện phân phối lại cho các cá nhân theo quy chế quản lý người đại diện của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà.

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
c) Ban Tổng Giám đốc		**2.275.489.484**	**2.408.440.056**
Bà Phạm Thị Tuân	Tổng Giám đốc	1.359.331.887	1.425.893.183
Ông Bùi Hữu Việt	Phó Tổng Giám đốc	916.157.597	982.546.873
d) Kế toán trưởng		**753.123.470**	**583.048.490**
Ông Ngô Hồng Minh	Kế toán trưởng	753.123.470	583.048.490

Thu nhập từ cổ tức được hưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị *(tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2024)*	1.957.648.000	-
Bà Đỗ Thị Nga	Thành viên Hội đồng Quản trị	2.493.486.000	1.229.743.000

M.S.D.N: 0101337659 - C.T.C. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Phạm Thị Tuân	**Ngô Hồng Minh**	**Ngô Hồng Minh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026